

Bản án số: 382/2018/DS-PT
Ngày: 18/4/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Tường
Bà Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 580/2017/DS-PT ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 723/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 755/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1526/2018/QĐ-PT ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1992 (Có mặt ngày 11/4/2018, vắng mặt ngày 18/4/2018);

Địa chỉ: Số MH đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Quách Ngọc Uyên P, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số G ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Hà Văn M, sinh năm 1961 (Có mặt ngày 11/4/2018, vắng mặt ngày 18/4/2018);

Địa chỉ: Số B ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1943 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trần Thị Hoàng Y, sinh năm 1967 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số MH đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Quốc V – Nguyên đơn.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Khoảng cuối năm 2009, thông qua bà Quách Ngọc Uyên P là con dâu bà Hà Thị N, ông Nguyễn Quốc V biết bà N cần vay tiền làm ăn. Ngày 01/5/2010, ông V có ký với bà N giấy cho mượn tiền về việc vay số tiền 500.000.000 đồng, bà N có nghĩa vụ trả lãi đủ hàng tháng, thời hạn vay là 05 ngày. Thực tế lãi suất vay các bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay là cho đến khi bà N tách thửa được đất ra bán sẽ trả nợ. Để đảm bảo cho số nợ vay, bà N đã thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 535 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 02/10/1998 cho bà N đối với phần đất có diện tích khoảng 1.600m², thuộc thửa đất số 55, 70, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ông V và bà N ký giấy vay tiền còn có sự chứng kiến của bà P.

Sau khi vay, bà N không thực hiện việc trả nợ theo như đã thỏa thuận. Sau đó, bà P thông báo cho ông V rằng bà N cần mượn lại giấy tờ đất nêu trên để làm thủ tục tách thửa rồi mới bán đất trả nợ. Ngày 23/7/2012, ông V có đến nhà đưa lại giấy tờ đất nhưng không gặp bà N. Qua trao đổi điện thoại, bà N nói ông V giao lại giấy tờ đất cho bà P và giữa các bên có làm giấy giao nhận.

Nay ông Nguyễn Quốc V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị N phải trả số tiền còn nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/5/2010 cho đến thời điểm xét xử. Ông V đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2015/QĐ-ADBPKCTT ngày 05/05/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hà Thị N trình bày:

Bà Hà Thị N hoàn toàn không có quen biết ông Nguyễn Quốc V và cũng không có giao dịch vay mượn tiền với ông V. Bà N thừa nhận có ký tên vào giấy cho mượn tiền ngày 01/5/2010 nhưng khi bà ký tên thì phần nội dung còn bỏ trống chưa có điền vào. Toàn bộ sự việc vay mượn tiền là do bà Quách Ngọc Uyên P đang gặp khó khăn, cần vay số tiền 50.000.000 đồng để xoay sở làm ăn; do tin tưởng bà P nên bà N đã ký tên vào mẫu Giấy cho mượn tiền và cho bà P mượn giấy tờ đất. Khoảng 01 tháng sau, bà P đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho bà N và cho biết là đã trả xong hết nợ.

Trong năm 2013, do bà N có mượn tiền của ông Hà Văn M nhiều lần để xây dựng, sửa chữa nhà nên ngày 05/11/2013, vợ chồng bà N với ông M đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 00005728, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐ-GD tại Văn phòng Công chứng Đất Việt đối với phần đất có diện tích 1.226m², thuộc thửa đất số 55, 70, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ký kết hợp đồng này là để làm tin, đảm bảo cho việc vay mượn tiền. Các bên thỏa thuận trường hợp bà N không có khả năng trả lại tiền cho ông M thì ông M được quyền tiến hành thủ tục đăng bộ, sang tên theo quy định của pháp luật.

Nay ông Nguyễn Quốc V yêu cầu bà Hà Thị N phải trả số tiền còn nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà N không đồng ý vì bà không có vay tiền của ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Ngọc Uyên P trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2012, bà Quách Ngọc Uyên P bắt đầu quen biết làm ăn với bà Trần Thị Hoàng Y là mẹ của ông Nguyễn Quốc V. Bà Y đưa tiền cho bà P cho người khác vay lại và bà P có nhiệm vụ thu tiền lãi về đưa cho bà Y để nhận tiền hoa hồng. Quá trình làm ăn do bà P chưa gom đủ lãi đưa về cho bà Y còn thiếu lại của bà Y 50.000.000 đồng tiền lãi nên bà Y yêu cầu bà P viết giấy nợ và mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ chồng là bà Hà Thị N để làm tin. Khi bà N ký tên vào giấy cho mượn tiền không ngày tháng phần nội dung còn bỏ trống. Sau đó, theo yêu cầu của bà Y, bà P điền vào nội dung, riêng phần thời gian thì bỏ trống. Bà Y nói rằng cũng đang cần tiền xoay sở nên yêu cầu bà P viết vay số tiền 500.000.000 đồng để có thể đi vay lại từ người khác.

Sau đó, bà P giao giấy tờ đất của bà N cho bà Y. Khoảng 01 tháng sau, ngày 23/7/2012, bà P đã thu đủ số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà Y rồi nhận lại giấy tờ đất từ bà Y và bà P trả giấy tờ đất lại cho bà N. Do tin tưởng bà Y nên bà không lấy lại giấy mượn tiền. Việc ông V kiện đòi bà N trả 500.000.000 đồng là không đúng vì bà N hoàn toàn không quen biết và không có vay tiền của ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M trình bày: Ông Hà Văn M hoàn toàn không biết gì về việc vay mượn tiền giữa ông Nguyễn Quốc V với bà Hà Thị N.

Trong năm 2013, ông M có cho vợ chồng bà N mượn tiền nhiều lần để xây dựng, sửa chữa nhà. Tổng cộng đến tháng 11/2013 là khoảng 800.000.000 đồng. Do số tiền lớn nhưng không có biện pháp bảo đảm nên ngày 05/11/2013, ông M có yêu cầu vợ chồng bà N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Đất Việt và có thỏa thuận đúng như bà N trình bày.

Nay ông M đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với vợ

chồng bà N là đúng quy định của pháp luật. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoàng Y trình bày:

Bà Trần Thị Hoàng Y là mẹ của ông Nguyễn Quốc V. Việc vay mượn tiền giữa ông V, bà N, bà P không liên quan gì đến bà Y.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 851/2015/DSST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc bà Hà Thị N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc V số tiền gốc 500.000.000 đồng và số tiền 251.250.000 đồng. Tổng cộng 751.250.000 đồng.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2015/QĐ-ADBPKCTT ngày 05/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bà Hà Thị N thi hành xong nghĩa vụ trả nợ cho ông V.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc V số tiền 50.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản giữ hộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo giấy nộp tiền ngày 24/10/2014, nội dung: Nộp tiền theo quyết định số 04/2014/QĐ-BPBD ngày 24/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/12/2015, bà Hà Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 453/2016/DSPT ngày 12/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Hủy Bản án sơ thẩm số 851/2015/DS-ST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, chuyển giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần hai, ông Nguyễn Quốc V vẫn không thay đổi nội dung khởi kiện, tiếp tục yêu cầu bà Hà Thị N phải trả số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/5/2010 cho đến thời điểm xét xử. Ông V đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2015/QĐ-ADBPKCTT ngày 05/05/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc thi hành án; Bà Hà Thị N xác định không có quen biết và không có giao dịch vay mượn tiền với ông V, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 723/2017/DS-ST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V yêu cầu bà Hà Thị N thanh toán tiền vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Quốc V phải chịu 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng). Ngày 13/01/2014, ông Nguyễn Quốc V nộp tiền tạm ứng án phí 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) theo biên lai số AE/2011/00975, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, được đối trừ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Sau khi cấp sơ thẩm xử, ngày 27/9/2017, nguyên đơn – ông Nguyễn Quốc V kháng cáo, ngày 06/10/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, Viện Kiểm sát không rút kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Người kháng cáo – ông Nguyễn Quốc V trình bày:* Ông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc bà N phải trả cho ông 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất cơ bản kể từ ngày 01/5/5010 đến ngày xét xử, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với nhà đất Số A ấp T, xã B, huyện H trên thửa đất 55, 70 tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 535 do UBND huyện Hóc Môn cấp ngày 02/10/1998, yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5728TP/CC-SCC-HĐGD ngày 05/11/2013 lập tại Văn phòng Công chứng Đất Việt giữa bà Hà Thị N, ông Trương Thanh T và ông Hà Văn M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thời hạn vay từ tháng 7/2012, buộc bà Hà Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc V số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông V vì trong quá trình giải quyết Tòa án đã có văn bản trả lời về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng ông V không khiếu nại văn bản trả lời của Tòa án. Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Hà Thị N, ông Trương

Thanh T và ông Hà Văn M, do tại cấp sơ thẩm ông V nộp đơn yêu cầu nhưng chưa đóng tạm ứng án phí và cấp sơ thẩm chưa xét yêu cầu này nên cấp phúc thẩm không thể xem xét yêu cầu của ông V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Hoàng Y có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Quách Ngọc Uyên P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt; Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5728TP/CC-SCC-HĐGD ngày 05/11/2013 lập tại Văn phòng Công chứng Đất Việt giữa bà Hà Thị N, ông Trương Thanh T và ông Hà Văn M, tại cấp sơ thẩm ông V có nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm có thiếu sót khi chưa xem xét, hướng dẫn ông V nộp tạm ứng án phí và thụ lý yêu cầu bổ sung của ông V. Tuy nhiên xét thấy, việc thế chấp tài sản giữa bà N và ông V đã không thực hiện đúng trình tự, thủ tục thế chấp theo quy định pháp luật về hình thức và nội dung; bà N không bị hạn chế về quyền định đoạt tài sản của mình vào thời điểm này; do đó, xét thấy không cần thiết phải hủy án để xem xét yêu cầu của ông V.

Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông V, trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, ông V đã có đơn yêu cầu và Tòa án đã có văn bản trả lời số 1616/TATP-TDS ngày 02/4/2018 về việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sau khi nhận văn bản của Tòa án ông V đã không khiếu nại theo thủ tục khiếu nại đúng quy định pháp luật; do đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông V.

Về yêu cầu buộc bà N phải thanh toán tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/5/2010 đến ngày xét xử, xét hợp đồng vay nợ giữa ông V và bà N, theo các chứng thể hiện trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì bà N thừa nhận bà có ký tên vào hợp đồng mượn tiền, bà P - con dâu bà N thừa nhận là người viết giấy nợ, hợp đồng có thỏa thuận về việc thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 535/ QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 02/10/1998 của bà N và có ghi rõ “mẹ đã nhận đủ tiền”. Bà N và bà P cho rằng không có việc vay nợ, đây là việc làm ăn giữa bà P và bà Y mẹ ông V nhưng bà Y phủ nhận, bà N ký tên vào mẫu giấy mượn tiền khi chưa điền nội dung và bà N không nhận tiền vay nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh, bà N và bà P đều có đầy đủ năng lực hành vi và có nhận thức, không có dấu hiệu bà N bị ép buộc ký tên vào giấy nợ, do đó, lời khai của bà N, bà P là không có cơ sở

chấp nhận. Bên cạnh đó, bà N thừa nhận có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thỏa thuận trong hợp đồng cho bà P và bà P đã giao giấy chứng nhận cho bà Y mẹ ông V thể hiện bằng việc bà P đã tự viết giấy mượn lại giấy tờ đất vào ngày 23/7/2012. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V là chưa đánh giá khách quan và đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện. Các chứng cứ có trong hồ sơ chứng minh hai bên đã xác lập hợp đồng vay và giao nhận tiền, bà N đã nhận tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; do đó, yêu cầu của ông V về việc buộc bà N trả số tiền vay 500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi, trong hợp đồng mượn nợ có ghi việc trả lãi hàng tháng nhưng không xác định rõ lãi suất, ông V cho rằng có thỏa thuận miệng là lãi suất 3% nhưng bà N không thừa nhận; do đó, đây là trường hợp vay có lãi nhưng có tranh chấp về lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì trường hợp này tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Tuy nhiên cần xem xét về thời điểm tính lãi vì có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, ông V cho rằng ngày xác lập hợp đồng vay là ngày 01/5/2010 và hai bên có giao nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày này, bà N và bà P không thừa nhận và cho rằng thời điểm này bà N đang thế chấp tài sản tại ngân hàng, trên hợp đồng mượn nợ các bên cũng thừa nhận toàn bộ chữ viết tay là của bà P nhưng ngày tháng năm do người khác ghi. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh An Sương thì từ ngày 09/11/2009 đến ngày 08/5/2012 bà N và ông T đang thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng nên không thể có bản chính để giao cho ông V. Bà N thừa nhận sau khi giải chấp với ngân hàng bà có giao cho bà P mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà P thừa nhận có giao cho bà Y mẹ ông V và tự viết giấy mượn lại bản chính vào ngày 23/7/2012, điều này thể hiện việc vay nợ được thực hiện vào thời điểm này và có cơ sở chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định thời điểm vay là tháng 7 năm 2012 để có cơ sở tính lãi. Tính từ tháng 7 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2017 là 62 tháng. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 quy định về lãi suất cơ bản của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì lãi suất cơ bản là 9%/năm : 12 tháng = 0,75%/tháng, tiền lãi được tính như sau: 500.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 62 tháng = 232.500.000 đồng; do đó, chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông V, buộc bà N phải thanh toán tiền lãi cho ông V là 232.500.000 đồng.

Từ các lý lẽ trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bà N phải thanh toán cho ông V tổng cộng cả gốc và lãi là 732.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà N phải chịu trên số tiền phải trả cho ông V là 32.280.000 đồng. Do ông V không được chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2010 đến tháng 6/2012 là 21 tháng nên ông V phải chịu án phí trên

số tiền không được chấp nhận là 500.000.000đ x 0.75%/tháng x 21 tháng = 78.750.000 đồng là 3.937.500 đồng.

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Quốc V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V.

Buộc bà Hà Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc V số tiền gốc và lãi là 732.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quốc V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hà Thị N không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà N còn phải trả thêm cho ông V tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.280.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.937.500 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AE/2011/00975 ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn trả cho ông V số tiền chênh lệch là 9.062.500 đồng (Chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc V không phải chịu, hoàn trả cho ông V tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0032659 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS huyện Hóc Môn;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu:(T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương